TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2024.
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kiểm và bà Lê Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Quản Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 02 năm 2024 và lời khai tại Tòa án, anh Quản Văn T là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và có đăng kí kết hôn ngày 20 tháng 9 năm 2001 tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết

hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan T, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân căng thẳng, nặng nề. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên vợ chồng anh đã sống ly thân, không quan T đến cuộc sống của nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay mặc dù vẫn sống trong cùng một nhà. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được bố mẹ hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Toà án, chị Nguyễn Thị H là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như anh T đã trình bày. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan T đến vợ con. Anh T xin ly hôn chị nhất trí. Do công việc bận nên chị đề nghị Toà án xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Anh T và chị H thống nhất trình bày: Vợ chồng có ba con chung là cháu Quản Thị Bảo Y, sinh ngày 16/12/2003; cháu Quản Thị Quỳnh Ng, sinh ngày 04/7/2005; cháu Quản Tuấn V, sinh ngày 26/7/2007. Cháu Yến, cháu Nga đã trên 18 tuổi, lao động tự lập được nên anh chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Khi ly hôn, anh T, chị H thống nhất giao cháu V cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H.

Về con riêng: Anh T và chị H thống nhất khai không có.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Chị H có yêu cầu về giải quyết tài sản chung nhưng sau đó chị không yêu cầu Toà án giải quyết, mà đề nghị Toà án để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem

xét, giải quyết.

Về công nợ: Anh T và chị H thống nhất vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp: Anh T và chị H thống nhất khai không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Quản Văn T và chị Nguyễn Thị H. 2. Con chung: Giao cháu Quản Tuấn V, sinh ngày 26/7/2007 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Quản Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1] Về hôn nhân: Anh Quản Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và có đăng kí kết hôn ngày 20 tháng 9 năm 2001 tại

Uỷ ban nhân dân xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan T đến cuộc sống của nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay mặc dù vẫn sống trong cùng một nhà. Theo các tài liệu xác minh tại địa phương và lời thừa nhận của đương sự thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kéo dài kéo dài nhiều năm nay, không quan T đến cuộc sống của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn, chị H nhất trí được Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị H có có ba con chung là cháu Quản Thị Bảo Y, sinh ngày 16/12/2003; cháu Quản Thị Quỳnh Ng, sinh ngày 04/7/2005; cháu Quản Tuấn V, sinh ngày 26/7/2007. Cháu Y, cháu Ng đã trên 18 tuổi, lao động tự lập được nên anh chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Đối với cháu V hiện ở với chị H và có nguyện vọng được ở với mẹ, mặt khác anh T và chị H thoả thuận giao cháu Vũ cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung; công nợ: Vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản riêng; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[4] Về án phí: Anh T và chị H thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh T xin chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm cho chị H, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Quản Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Con chung: Giao cháu Quản Tuấn V, sinh ngày 26/7/2007 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Quản Văn T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng (anh T xin chịu thay án phí ly hôn sơ thẩm của chị H). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000099 ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Hoàn trả lại cho anh Quản Văn T số tiền 150.000đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh Quản Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt